

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/KDTM - ST  
Ngày: 26 - 9 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Ngọc Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đăng và bà Nguyễn Thị Hoan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2023/TLST - KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST - KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST - KDTM ngày 09/9/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Quốc tế V; địa chỉ: tầng 1 và tầng 2 toà nhà S - số 111A P, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hà Hoàng H - Chức vụ: Giám đốc trung tâm quản lý nợ NHBL 2 - Khối ngân hàng bán lẻ VIB theo giấy uỷ quyền số 106957.22 ngày 03/10/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc tế V.

Người đại diện theo ủy quyền lại: bà Nguyễn Thị Y, bà Tạ Thu H, ông Hoàng Mạnh T - Cán bộ xử lý nợ theo giấy uỷ quyền số 17336623 ngày 28/10/2023.

**- Bị đơn:** anh Phạm Văn H, sinh năm 1993 và chị Vũ Thị D, sinh năm 1998. Địa chỉ: thôn 9, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** ông Phạm Văn Th, sinh năm 1953 và bà Lương Thị B, sinh năm 1954, cùng địa chỉ: thôn 9, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

(Có mặt tại phiên tòa bà Tạ Thu H, vắng mặt bà Nguyễn Thị Y, ông Hoàng Mạnh T, anh Phạm Văn H, chị Vũ Thị D, ông Phạm Văn Th và bà Lương Thị B)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

- Trên cơ sở đề nghị được vay vốn của anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D, Ngân hàng TMCP Quốc tế V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã đồng ý ký kết hợp đồng tín dụng số 9836890.23 ngày 03/01/2023 với anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D với nội dung: Ngân hàng cho anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D vay số tiền 1.450.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh sơn tường. Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 05/01/2023 đến 04/01/2024; Lãi suất vay: 13.5%/năm. Lãi suất sẽ được Ngân hàng chủ động điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,2%/năm.

Ngày 04/01/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 9836890(1).23 ngày 03/01/2023 với số tiền 1.450.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình vay, từ ngày 04/01/2023 đến ngày 25/02/2023 anh H chị D đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là: 27.889.940 đồng. Đến ngày 29/12/2023, anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là: 2.000.000 đồng.

Tổng cộng: 29.889.940 (*Bằng chữ: hai mươi chín triệu, tám trăm, tám mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi đồng*)

Từ ngày 25/02/2023 đến hết ngày 23/8/2024, anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D không trả được lãi cho Ngân hàng.

Do anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D không trả được lãi vay nên ngày 12/7/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc của khách hàng sang nợ quá hạn và tính lãi suất vay quá hạn theo quy định kể từ ngày 06/9/2023. Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng nhiều lần đôn đốc khách hàng thực hiện trách nhiệm trả nợ nhưng đến nay anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D vẫn chưa trả gốc và lãi vay quá hạn cho Ngân hàng.

**\* Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay:**

- Đề bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vay đối với hợp đồng tín dụng số 9836890.23 ngày 03/01/2023 của anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D tại Ngân hàng, bên vay anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D đã đồng ý thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: 51, địa chỉ: thôn 9, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DI 383182, số vào sổ cấp GCN: CS 01880 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 18/11/2022, mang tên Phạm Văn H và Vũ Thị D theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất ngày 03/01/2023 giữa anh Phạm Văn H, chị Vũ Thị D với Ngân hàng.

Tài sản thế chấp trên có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của Pháp luật. Việc thế chấp đã thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hoàn tất các thủ tục theo đúng quy định của Pháp luật và của Ngân hàng.

Do anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D không thực hiện trả nợ gốc, lãi đúng hạn cho Ngân hàng nên tính đến hết ngày 26/9/2024 anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.862.088.276 (một tỷ, tám

trăm sáu mươi hai triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm bảy mươi sáu) đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 9836890.23 ngày 03/01/2023 đã ký, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc là: 1.448.000.000 (một tỷ, bốn trăm, bốn mươi tám triệu) đồng;

+ Nợ lãi là: 414.088.276 (bốn trăm mười bốn triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm bảy mươi sáu) đồng trong đó lãi trong hạn là: 102.232.663 (một trăm linh hai triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi ba) đồng, lãi quá hạn là: 311.855.613 (ba trăm mười một triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm mười ba) đồng.

Trường hợp anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại ngay toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 03/01/2023 bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 14, tờ bản đồ số 51, địa chỉ: thôn 9, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DI 383182, số vào sổ cấp GCN: CS 01880 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 18/11/2022, mang tên Phạm Văn H và Vũ Thị D.

Về biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2024 nguyên đơn không có ý kiến gì, về chi phí tố tụng nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Tại bản khai ngày 13 tháng 6 năm 2024 anh Phạm Văn H là bị đơn trình bày:** ngày 03/01/2023 giữa vợ chồng anh chị và Ngân hàng Quốc tế V đã ký kết hợp đồng tín dụng số 9836890.23, với nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng anh vay số tiền 1.450.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh sơn tường. Thời hạn vay: 12 tháng ; Lãi suất vay: 13.5%/năm.

Ngày 04/01/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho anh chị theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 9836890(1).23 ngày 03/01/2023 với số tiền 1.450.000.000 đồng.

Trong quá trình vay, từ ngày 04/01/2023 đến ngày 25/02/2023 anh chị đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là: 27.889.940 đồng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vay đối với hợp đồng tín dụng số 9836890.23 ngày 03/01/2023 của anh và chị D tại Ngân hàng, bên vay anh và chị D đã đồng ý thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: 51, địa chỉ: thôn 9, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DI 383182, số vào sổ cấp GCN: CS 01880 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 18/11/2022, mang tên Phạm Văn H và Vũ Thị D theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất ngày 03/01/2023 giữa anh và chị D với Ngân hàng.

Tài sản thế chấp trên có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Việc thế chấp đã thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hoàn tất các thủ tục theo đúng quy định của Pháp luật và của Ngân hàng.

Do làm ăn thua lỗ nên anh và chị D chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/10/2023 là 1.596.288.301 (một tỷ, năm trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm linh một) đồng. Trong đó nợ gốc là: 1.450.000.000 (một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu) đồng; Nợ lãi là: 146.288.301 (một trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm linh một) đồng trong đó lãi trong hạn là: 102.232.663 (một trăm linh hai triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi ba) đồng, lãi quá hạn là: 44.055.638 (bốn mươi bốn triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi tám) đồng.

Nay do điều kiện kinh tế khó khăn anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giãn thời gian trả nợ và cho anh được trả số tiền gốc là 1.450.000.000 (một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu) đồng, còn đối với khoản tiền lãi anh xin được miễn khoản tiền lãi để anh tập trung hoàn trả hết số nợ gốc.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản xác minh ông Phạm Văn Th và bà Lương Thị B trình bày: vào khoảng tháng 10/2022 thì vợ chồng ông bà làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 14, tờ bản đồ số 51 diện tích 1.060m<sup>2</sup> có địa chỉ tại thôn 9, xã Đ, thành phố T mang tên Phạm Văn Th và Lương Thị B sang cho anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D, sau khi làm thủ tục sang tên thửa đất số 14, tờ bản đồ số 51 cho anh H, chị D thì ông bà vẫn sinh sống trên thửa đất này và cũng kể từ khi sang tên cho anh H chị D thì ông bà không tu sửa và phát sinh tài sản nào khác trên thửa đất số 14, tờ bản đồ số 51.

Việc anh Hòa và chị Diễm thế chấp thửa đất số 14, tờ bản đồ số 51 để vay vốn Ngân hàng TMCP Quốc tế V thì ông bà không biết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H chị D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, ông bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để anh H và chị D thu xếp trả nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng yêu cầu chị D có mặt tại Tòa án để làm việc nhưng chị D không đến làm việc và cũng không có quan điểm, ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc nhận ủy quyền lại, giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321,

322, 323 của Bộ luật Dân sự, khoản 1, Điều 179 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); đề nghị Hội đồng xét xử; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế V; buộc anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 26/9/2024 là: 1.862.088.276 đồng; (trong đó: nợ gốc 1.448.000.000 đồng, lãi trong hạn 102.232.663 đồng, lãi quá hạn 311.855.613 đồng)

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 1.862.088.276 đồng; (trong đó: nợ gốc 1.448.000.000 đồng, lãi trong hạn 102.232.663 đồng, lãi quá hạn 311.855.613 đồng) = (36.000.000 đồng + (3% x 1.062.088.276) = 67.862.648 đồng (sáu mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng) (làm tròn 67.863.000) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.900.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000362 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

Về chi phí tố tụng Ngân hàng không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng và người bị kiện là anh Phạm Văn H, chị Vũ Thị D với nội dung: tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Hiện anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D có địa chỉ tại thôn 9, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp đã thụ lý, giải quyết là đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: theo nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp bất động sản thể hiện anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D có địa chỉ tại thôn 9, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo để đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn là chị Vũ Thị D không có ý kiến phản hồi hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Bị đơn chị Vũ Thị D cũng không thể hiện ý kiến, quan điểm của chị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 05/9/2024 anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D là bị đơn, ông Phạm Văn Th, bà Lương Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án, bà Nguyễn Thị Y, ông Hoàng Mạnh T là người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2024 anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D là bị đơn, ông Phạm Văn Th, bà Lương Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Y, ông Hoàng Mạnh T là người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trên cơ sở hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 03/01/2023 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ của anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D, Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 9836890.23 ký kết ngày 03/01/2023 với anh H, chị D với số tiền cho vay là 1.450.000.000 (*Bằng chữ: một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên đã ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng anh H, chị D đã được giải ngân số tiền 1.450.000.000 (*Bằng chữ: một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng*) theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9836890(1).23 ngày 03/01/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 04/01/2023 đến ngày 25/02/2023 anh H chị D đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là: 27.889.940 đồng. Đến ngày 29/12/2023, anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là: 2.000.000 đồng, sau đó không thực hiện nghĩa vụ nữa. Ngày 12/7/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc của khách hàng sang nợ quá hạn và tính lãi suất vay quá hạn theo quy định. Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng nhiều lần đôn đốc khách hàng thực hiện trách nhiệm trả nợ nhưng đến nay anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D vẫn chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 1.448.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

*Về lãi suất:*

Việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay của anh H, chị D là đúng theo thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng số 9836890.23 ký ngày 03/01/2023 mà Ngân hàng tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 102.232.663 đồng (lãi trong hạn), 311.855.613 đồng (lãi quá hạn). Do anh H, chị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành nợ quá hạn từ ngày 12/7/2023 và bắt đầu tính lãi quá hạn kể từ ngày 06/9/2023 và buộc anh H chị D phải trả lãi như sau:

- Tiền lãi trong hạn trên số nợ gốc 1.450.000.000 đồng tính từ ngày 04/01/2023 đến ngày 04/7/2023 (181 ngày) là:  $\{(1.450.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\%): 365 \text{ ngày}\} \times 181 \text{ ngày} = 97.070.548 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi trong hạn trên số nợ gốc 1.450.000.000 đồng tính từ ngày

04/7/2023 đến ngày 06/9/2023 (64 ngày) là:  $\{(1.450.000.000 \text{ đồng} \times 13\%): 365 \text{ ngày}\} \times 64 \text{ ngày} = 33.052.055 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền lãi trong hạn là 130.122.603 đồng, anh Phạm Văn Hòa và chị Vũ Thị Diễm đã trả 27.889.940 đồng còn lại 102.252.663 đồng chưa trả.

- Tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc 1.450.000.000 đồng tính từ ngày 06/9/2023 đến ngày 29/12/2023 (114 ngày) là:  $\{(1.450.000.000 \text{ đồng} \times 19,50\%): 365 \text{ ngày}\} \times 114 \text{ ngày} = 88.310.959 \text{ đồng}$

- Tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc 1.448.000.000 đồng tính từ ngày 29/12/2023 đến ngày 26/9/2024 (272 ngày) là:  $(1.448.000.000 \text{ đồng} \times 19,50\%): 365 \text{ ngày}\} \times 272 \text{ ngày} = 210.416.219 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 15.014.170 đồng tính từ ngày 25/3/2023 đến ngày 04/4/2023 (10 ngày) là:  $(15.014.170 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 10 \text{ ngày} = 41.135 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 15.014.170 đồng tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 25/4/2023 (21 ngày) là:  $(15.014.170 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 21 \text{ ngày} = 86.383 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 31.639.513 đồng tính từ ngày 25/4/2023 đến ngày 25/5/2023 (30 ngày) là:  $(31.639.513 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 30 \text{ ngày} = 260.051 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 47.728.554 đồng tính từ ngày 25/5/2023 đến ngày 26/6/2023 (32 ngày) là:  $(47.728.554 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 32 \text{ ngày} = 418.442 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 64.890.198 đồng tính từ ngày 26/6/2023 đến ngày 04/7/2023 (8 ngày) là:  $(64.890.198 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 8 \text{ ngày} = 142.225 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 64.890.198 đồng tính từ ngày 04/7/2023 đến ngày 25/7/2023 (21 ngày) là:  $(64.890.198 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 21 \text{ ngày} = 373.341 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 80.025.814 đồng tính từ ngày 25/7/2023 đến ngày 25/8/2023 (31 ngày) là:  $(80.025.814 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 31 \text{ ngày} = 679.671 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 96.035.403 đồng tính từ ngày 25/8/2023 đến ngày 05/9/2023 (11 ngày) là:  $(96.035.403 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 11 \text{ ngày} = 289.422 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 96.035.403 đồng tính từ ngày 05/9/2023 đến ngày 06/9/2023 (1 ngày) là:  $(96.035.403 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 1 \text{ ngày} = 26.311 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 102.252.663 đồng tính từ ngày 06/9/2023 đến ngày 29/12/2023 (114 ngày) là:  $(102.252.663 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 114 \text{ ngày} = 3.193.020 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi chậm trả trên số lãi trong hạn 102.252.663 đồng tính từ ngày 29/12/2023 đến ngày 26/9/2024 (272 ngày) là:  $(102.252.663 \text{ đồng} \times 10\%): 365 \text{ ngày}\} \times 272 \text{ ngày} = 7.618.434 \text{ đồng}$ .

Xét thấy Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V áp dụng mức lãi suất

và đề nghị anh H, chị D phải trả là phù hợp với mục 2.4 Hợp đồng tín dụng số 9836890.23 ký kết ngày 03/01/2023 về lãi suất, phương pháp tính lãi và điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, ngày 28/12/2022; phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 7, 8 và 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử buộc anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V theo hợp đồng tín dụng số 9836890.23 ký kết ngày 03/01/2023 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 26/9/2024 là 1.862.088.276 đồng; trong đó: nợ gốc 1.448.000.000 đồng, lãi trong hạn 102.252.663 đồng, lãi quá hạn 311.855.613 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì Quyết định kê từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết ngày 03/01/2023 giữa anh H, chị D với Ngân hàng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp. Các tài sản bảo đảm đều thể hiện rõ ý chí của anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D bảo đảm cho khoản vay của anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D tại Ngân hàng, bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của anh H, chị D đối với Ngân hàng nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với thỏa thuận của các đương sự được thể hiện trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 1.862.088.276 đồng; (trong đó: nợ gốc 1.448.000.000 đồng, lãi trong hạn 102.232.663 đồng, lãi quá hạn 311.855.613 đồng) = (36.000.000 đồng + (3% x 1.062.088.276) = 67.862.648 (sáu mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng) (làm tròn 67.863.000 đồng)

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 280, 299, 317, 318, 319, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 179 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V đối với anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D.

Buộc anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V tổng số tiền tính đến hết ngày 26/9/2024 là 1.862.088.276 đồng; trong đó: nợ gốc 1.448.000.000 đồng, lãi trong hạn 102.232.663 đồng, lãi quá hạn 311.855613 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì Quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế triển V thì Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay của anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: 51, địa chỉ: thôn 9, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DI 383182, số vào sổ cấp GCN: CS 01880 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 18/11/2022, mang tên Phạm Văn H và Vũ Thị D.

(Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết ngày 03/01/2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V với anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D).

**2.** Về chi phí tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V không đề nghị giải quyết.

**3.** Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V số tiền 29.900.000 (hai mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số

0000362 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

- Anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị D phải nộp 67.862.648 (sáu mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng) (làm tròn 67.863.000) đồng án phí kinh doanh thương mại.

Án xử công khai sơ thẩm Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn H, chị Vũ Thị D, ông Phạm Văn Th và bà Lương Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Vũ Ngọc Tú**